



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ 03 NĂM 2014**

**Tháng 10 năm 2014**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.190.650.633.183</b>	<b>3.348.657.739.709</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>571.386.706.797</b>	<b>987.500.169.041</b>
1. Tiền	111		43.526.706.797	57.940.169.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		527.860.000.000	929.560.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>654.084.861.501</b>	<b>692.318.297.353</b>
1. Phải thu khách hàng	131		585.222.659.924	625.854.925.922
2. Trả trước cho người bán	132		742.196.443	1.052.179.801
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		17.674.374.170	36.190.533.904
4. Các khoản phải thu khác	135		62.712.736.985	54.352.768.097
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.267.106.021)	(25.132.110.371)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>760.703.480.755</b>	<b>1.424.191.056.983</b>
1. Hàng tồn kho	141		782.513.058.500	1.446.000.634.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.809.577.745)	(21.809.577.745)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>204.475.584.130</b>	<b>244.648.216.332</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		513.383.716	1.219.884.240
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		203.422.383.494	242.175.986.571
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	827.210.521
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		539.816.920	425.135.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>5.480.495.878</b>	<b>7.648.944.170</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.763.474.397</b>	<b>1.247.655.674</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	1.720.810.760	1.176.351.247
- Nguyên giá	222		5.557.643.616	4.827.945.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.836.832.856)	(3.651.594.369)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	42.663.637	71.304.427
- Nguyên giá	228		891.153.105	891.153.105
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(848.489.468)	(819.848.678)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.350.000.000</b>	<b>1.350.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.350.000.000	1.350.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.367.021.481</b>	<b>5.051.288.496</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		823.853.891	2.728.078.531
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.543.167.590	2.323.209.965
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.196.131.129.061</b>	<b>3.356.306.683.879</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.921.972.824.862</b>	<b>3.160.551.319.710</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.921.105.806.593</b>	<b>3.160.119.301.441</b>
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	1.513.201.694.300	2.478.283.717.460
	2. Phải trả người bán	312		315.773.540.580	557.958.084.897
	3. Người mua trả tiền trước	313		2.935.250.543	4.318.312.043
	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	21.264.410.980	11.522.334.616
	5. Phải trả người lao động	315		14.350.701.925	9.700.000.000
	6. Chi phí phải trả	316	11	2.863.663.088	3.788.165.750
	7. Phải trả nội bộ	317		-	-
	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	46.052.811.867	88.355.247.397
	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.663.733.310	6.193.439.278
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>867.018.269</b>	<b>432.018.269</b>
	1. Phải trả dài hạn khác	333		867.018.269	432.018.269
<b>B.</b>	<b>NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>274.158.304.199</b>	<b>195.755.364.169</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>274.158.304.199</b>	<b>195.755.364.169</b>
	1. Vốn điều lệ	411		142.227.000.000	142.227.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.340.500.000	33.340.500.000
	4. Cổ phiếu quỹ	414		(795.000.000)	-
	3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.977.707.165	4.977.707.165
	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		94.408.097.034	15.210.157.004
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>440</b>		<b>2.196.131.129.061</b>	<b>3.356.306.683.879</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày	
		30/09/2014	01/01/2014
1. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	13.451.590.433	-
2. Ngoại tệ các loại	USD	123.225	189.117
	EUR	105	105

Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 10 năm 2014

Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quy III năm		Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
		2014	2013	đến 30/09/2014	đến 30/09/2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.612.124.592.476</b>	<b>1.782.469.917.389</b>	<b>4.785.295.379.282</b>	<b>4.528.027.930.760</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		29.019.992.930	52.251.342.078	55.470.767.038	126.117.453.746
- Chiết khấu thương mại		4.082.006.872	20.446.279.396	8.914.220.038	53.249.800.225
- Giảm giá hàng bán		11.388.050.682	17.935.262.174	13.933.658.233	40.146.993.220
- Hàng bán trả lại		13.549.935.376	13.869.800.508	32.622.888.767	32.720.660.301
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.583.104.599.546</b>	<b>1.730.218.575.311</b>	<b>4.729.824.612.244</b>	<b>4.401.910.477.014</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		1.496.743.541.926	1.643.357.183.971	4.477.778.351.611	4.154.033.714.261
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>86.361.057.620</b>	<b>86.861.391.340</b>	<b>252.046.260.633</b>	<b>247.876.762.753</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	7.702.040.973	14.480.182.743	20.587.120.604	41.610.515.014
7. Chi phí tài chính	15	22.673.161.315	21.731.719.361	76.740.647.853	66.629.342.163
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>22.390.224.350</i>	<i>19.660.120.872</i>	<i>74.364.147.322</i>	<i>56.955.392.540</i>
8. Chi phí bán hàng		18.882.949.201	26.583.370.853	56.158.644.248	68.298.613.153
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.654.831.139	23.734.578.484	38.027.639.037	62.509.813.265
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>38.852.156.938</b>	<b>29.291.905.385</b>	<b>101.706.450.099</b>	<b>92.049.509.186</b>
11. Thu nhập khác	16	225.492.938	299.923.270	392.708.401	4.175.861.990
12. Chi phí khác	17	151.095.660	26.181.801	371.085.707	342.776.335
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>		<b>74.397.278</b>	<b>273.741.469</b>	<b>21.622.694</b>	<b>3.833.085.655</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>		<b>38.926.554.216</b>	<b>29.565.646.854</b>	<b>101.728.072.793</b>	<b>95.882.594.841</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	8.606.574.187	8.822.686.752	22.552.632.763	24.715.574.945
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>		<b>30.319.980.029</b>	<b>20.742.960.103</b>	<b>79.175.440.030</b>	<b>71.167.019.896</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	2.131	1.458	5.565	5.256

Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 10 năm 2014

Lê Thị Chên  
Kế toán trưởng



Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**MÃ SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
		đến 30/09/2014	đến 30/09/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>101.728.072.793</b>	<b>95.882.594.841</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	213.879.277	730.590.728
Các khoản dự phòng	03	586.586.083	3.994.415.755
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(12.898.915.337)	(25.627.088.689)
Chi phí lãi vay	06	74.364.147.322	56.955.392.540
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>163.993.770.138</b>	<b>131.935.905.175</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	72.763.054.698	(222.822.073.517)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	663.487.576.228	(361.988.533.509)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.154.662.491.213)	226.585.501.405
(Tăng) chi phí trả trước	12	2.496.043.244	(1.783.373.648)
Tiền lãi vay đã trả	13	(75.973.889.735)	(58.034.021.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.936.150.656)	(43.988.342.480)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	785.042.375	1.386.168.489
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.534.705.968)	(1.383.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.353.581.750.889)</b>	<b>(330.092.570.049)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.082.747.273)	(390.303.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	353.049.273	153.879.592
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.350.000.000)
2. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	16.536.313.485	24.813.708.211
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>15.806.615.485</b>	<b>23.227.284.439</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	55.567.500.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(795.000.000)	-
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.917.917.363.805	3.272.343.352.450
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.952.835.340.645)	(2.873.363.251.445)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(42.625.350.000)	(4.981.275.052)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>921.661.673.160</b>	<b>449.566.325.953</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(416.113.462.244)</b>	<b>142.701.040.343</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>987.500.169.041</b>	<b>527.206.222.588</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>571.386.706.797</b>	<b>669.907.262.931</b>



Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 10 năm 2014



Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí** (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.  
Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

Số năm

Phương tiện vận tải

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3 - 5

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	165.336.822	186.953.552
Tiền gửi ngân hàng	43.361.369.975	57.753.215.489
Các khoản tương đương tiền	527.860.000.000	929.560.000.000
	<u>571.386.706.797</u>	<u>987.500.169.041</u>

#### 6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/09/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	32.200.241.073	22.713.023.275
Hàng hóa	749.539.699.281	1.420.979.127.126
Hàng gửi đi bán	773.118.146	2.308.484.327
	<u>782.513.058.500</u>	<u>1.446.000.634.728</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.809.577.745)	(21.809.577.745)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK</b>	<u>760.703.480.755</u>	<u>1.424.191.056.983</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2014	2.537.794.613	2.290.151.003	4.827.945.616
Mua trong kỳ	1.032.747.273	50.000.000	1.082.747.273
Thanh lý trong kỳ	(353.049.273)	-	(353.049.273)
<b>Tại ngày 30/09/2014</b>	<b>3.217.492.613</b>	<b>2.340.151.003</b>	<b>5.557.643.616</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.589.467.851	2.062.126.518	3.651.594.369
Khấu hao trong kỳ	272.058.376	121.534.553	393.592.929
Thanh lý trong kỳ	(208.354.442)	-	(208.354.442)
<b>Tại ngày 30/09/2014</b>	<b>1.653.171.785</b>	<b>2.183.661.071</b>	<b>3.836.832.856</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/09/2014	1.564.320.828	156.489.932	1.720.810.760
Tại ngày 01/01/2014	948.326.762	228.024.485	1.176.351.247

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	891.153.105
Tăng trong năm	-
<b>Tại ngày 30/09/2014</b>	<b>891.153.105</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	819.848.678
Khấu hao trong năm	28.640.790
<b>Tại ngày 30/09/2014</b>	<b>848.489.468</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/09/2014	42.663.637
Tại ngày 01/01/2014	71.304.427

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TM Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	460.201.356.308	567.313.340.553
Ngân hàng TM CP Xuất nhập khẩu - CN HCM	-	84.827.062.338
Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (MB)	352.178.160.554	179.899.406.900
Ngân hàng Techcombank		177.462.046.185
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN7	125.606.347.401	342.028.756.851
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	180.096.265.952	-
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	-	37.806.608.602,0
Ngân hàng HSBC Việt Nam (HSBC)	181.368.905.241	317.262.622.200
Ngân hàng ANZ Việt Nam (ANZ)	161.827.827.444	476.388.746.501
Ngân hàng TM CP Đại chúng Việt Nam - CN HCM		295.295.127.330
Ngân hàng TM CP Quốc Tế Việt Nam - CN HCM	51.922.831.400	-
	<b>1.513.201.694.300</b>	<b>2.478.283.717.460</b>

Số dư các khoản vay tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 là : 1.513.201.694.300 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/09/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.112.470.790	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.509.550	(523.600.695)
Thuế xuất, nhập khẩu	313.591	(303.609.826)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.606.574.187	10.990.092.080
Thuế TN cá nhân	13.393.233	430.296.648
Thuế khác	530.149.629	101.945.888
	<u><b>21.264.410.980</b></u>	<u><b>10.695.124.095</b></u>
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	-	827.210.521
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	21.264.410.980	11.522.334.616

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/09/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	1.119.547.658	2.729.290.071
Chi phí phải trả khác	1.744.115.430	1.058.875.679
	<u><b>2.863.663.088</b></u>	<u><b>3.788.165.750</b></u>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	10.901.075
Kinh phí công đoàn	81.951.974	130.670.104
Bảo hiểm xã hội	101.553.719	69.392.275
Cổ tức	476.632.123	43.124.482.123
Các khoản phải trả phải nộp khác	45.392.674.051	45.019.801.820
	<u><b>46.052.811.867</b></u>	<u><b>88.355.247.397</b></u>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>120.000.000.000</b>	-	-	-	4.977.707.165	22.107.962.623	147.085.669.788
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	80.794.416.164	80.794.416.164
Tăng vốn góp	22.227.000.000	33.340.500.000	-	-	-	-	55.567.500.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.615.888.324)	(1.615.888.324)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(86.076.333.459)	(86.076.333.459)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>142.227.000.000</b>	<b>33.340.500.000</b>	-	-	<b>4.977.707.165</b>	<b>15.210.157.004</b>	<b>195.755.364.169</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	79.175.440.030	79.175.440.030
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(795.000.000)	-	-	-	(795.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	22.500.000	22.500.000
<b>Số dư tại ngày 30/09/2014</b>	<b>142.227.000.000</b>	<b>33.340.500.000</b>	<b>(795.000.000)</b>	-	<b>4.977.707.165</b>	<b>94.408.097.034</b>	<b>274.158.304.199</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/09/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/09/2013</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	79.175.440.030	71.167.019.896
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.222.700	13.539.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.567	5.256

**20. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 20 tháng 10 năm 2014.



Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 10 năm 2014



Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương  
Giám đốc